

DAY-HOC NGOẠI NGỮ, NHỮNG BƯỚC THĂNG TRẦM ĐÃ QUA, THỰC TRẠNG HIỆN NAY VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

MAI THANH BÌNH

Trưởng khoa Ngoại ngữ Trường CĐSP Nghệ An

I. Những chặng đường thăng trầm của việc dạy và học ngoại ngữ

Tôi còn nhớ vào cuối thập niên 60 ở cấp 3 (hệ 10/10) năm lớp 8 tôi được học tiếng Nga. Lên lớp 9 chúng tôi chỉ được học tiếp có vài tháng, sau đó không hiểu sao thấy giáo tiếng Nga chuyển đi nơi khác và chúng tôi không học ngoại ngữ nữa. Đầu thập niên 70 tôi được vào học ở khoa Anh trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội. Lúc đó các tài liệu, giáo trình đều in rô-nê-ô rất khó đọc. Chủ yếu là thấy cho được chữ nào trò ghi và học thuộc thì được chữ đó chứ không không có sách tham khảo. Năm 1976 cả khối chúng tôi có anh bạn có một cuốn từ điển Anh-Việt bỏ túi của tác giả Nguyễn Văn Khôn lọt từ Sài Gòn ra đã trở thành một của lạ quý hiếm.

Vào thập niên 80 chúng ta chứng kiến những bước phát triển lớn của bộ môn ngoại ngữ. Thoạt đầu là tiếng Nga, tiếng Trung lên ngôi nhất nhì bảng. Phần lớn các cán bộ khoa học kỹ thuật đầu ngành của chúng ta đều được đào tạo và trưởng thành tại Liên Xô cũ và một số khác ở Trung quốc. Tiếng Nga dĩ nhiên trở thành công cụ tối quan trọng trong việc mở mang tri thức nước nhà, đứng thứ hai phải là tiếng Trung. Mặt khác tiếng Nga còn là tiếng nói của Lê-nin vĩ đại, của quê hương Cách mạng Tháng 10. Hầu như 100% giáo viên tiếng Nga đều được sang Liên Xô với tư cách là thực tập sinh, dự các khóa bồi dưỡng tiếng Nga 3 tháng rồi 9 tháng do Viện Puskin tổ chức. Có thể nói đây là bước phát triển đến đỉnh cao trong việc hợp tác với nước ngoài để đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ.

Thời kỳ này Bộ GD-ĐT cũng tiến hành cải cách giáo dục lần thứ 3 và đã hoàn thiện được nhiều bộ sách giáo khoa ngoại ngữ cho PTTH và PTCS. Đặc biệt nhờ có sự giúp đỡ của chính phủ Liên Xô, các nhà khoa học hai bên Việt Nam và Nga đã biên soạn sách giáo khoa tiếng Nga một cách rất công phu. Rất tiếc thời kỳ này tiếng Anh và tiếng Pháp ít được chú ý. Đã có không ít giáo viên của hai thứ tiếng này thất nghiệp hoặc phải chuyển sang làm các công việc khác.

Bước vào thập niên 90 chúng ta lại phải chứng kiến cái cảnh đổi ngôi hết sức mau lẹ. Tiếng Nga và tiếng Trung cuối cùng đã không còn được dạy ở một trường phổ thông nào nữa. Thay vào đó tiếng Anh chiếm vị trí độc tôn và thực sự trở thành "con sốt" trong những năm vừa qua. Lần này đến lượt các bạn đồng nghiệp một thời oanh liệt đã từng đi Nga đi Tàu lại phải cầm cúi học thêm tiếng Anh để "chuyển tay lái".

Nhìn lại chặng đường hơn nửa thế kỷ qua, bộ môn ngoại ngữ tuy thăng trầm có lúc song đã đóng góp một phần không nhỏ vào kỳ tích chung của nền giáo dục cách mạng ở nước ta. Đặc biệt trong 15 năm đổi mới, ngoại ngữ đã đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện chính sách mở cửa, phát triển kinh tế, đưa nước ta tiến nhanh vào quá trình hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên đứng trước những yêu cầu mới của công cuộc CNH - HĐH đất nước và những thách thức của loài người khi bước sang một thiên niên kỷ mới, chúng tôi thấy việc dạy và học ngoại ngữ của chúng ta ở phổ thông vẫn còn nhiều bất cập.

II. Thực trạng dạy và học ngoại ngữ hiện nay ở phổ thông.

1. Về đội ngũ giáo viên.

Xét về mặt số lượng, đây là bộ môn còn thiếu nhiều, nhất là ở THCS. Việc phân bố cũng

không đều, chủ yếu tập trung ở thành phố, thị xã, thị trấn, còn các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa nhiều nơi không có.

Về chất lượng, trình độ chuyên môn nói chung còn thấp và không đồng đều. Hiện tại đội ngũ giáo viên ngoại ngữ được đào tạo từ nhiều nguồn: chủ yếu từ hai nguồn chính là các DHSP ngoại ngữ và các khoa ngoại ngữ của các trường CĐSP. Ngoài ra còn có một số giáo viên tốt nghiệp các trường ĐH ngoại ngữ, các trung tâm tại chức và nhiều giáo viên chuyển từ tiếng Nga, Trung, Pháp sang tiếng Anh. Tháng 5 năm 1999 hai người Anh là Psyche Kennett và Jill Knight đã hoàn thành "Báo cáo về nghiên cứu điều tra cơ bản về chương trình dạy tiếng Anh PTCS ở Việt Nam" để trình bộ GD-ĐT. Theo kết luận của báo cáo này khoảng 60% các giáo viên PTCS cần phải được bồi dưỡng thêm từ 120 đến 240 giờ tiếng Anh để họ có thể đạt chuẩn mực quốc gia (điểm đỗ bài thi PET và ở thang điểm số 2 bài thi TEVELT). Khoảng 70% các giáo viên CĐSP cần được bồi dưỡng thêm từ 240 đến 480 giờ tiếng Anh để họ có thể đạt chuẩn mực quốc gia (điểm đỗ bài thi FCE và ở thang điểm số 3 bài thi TEVELT). Chúng tôi cho rằng các giáo viên ở PTTH cũng ở tình trạng tương tự như vậy. Phần lớn các giáo viên ở phổ thông nói chung đều yếu nhất là kỹ năng nghe và đọc, yếu hơn rất nhiều so với ngữ pháp, viết và nói. Tuy nhiên kỹ năng nói cũng còn nhiều hạn chế, nhất là độ lưu loát, trọng âm, ngữ điệu. Mặt khác nhiều giáo viên không được học bộ môn giáo học pháp do nguồn đào tạo không phải ngành sư phạm hoặc được đào tạo đã lâu không được học về phương pháp mới (phương pháp giao tiếp), nay do không có điều kiện học tập thêm, ít được tiếp xúc giao lưu với đồng nghiệp, thiếu sách vở tham khảo và thông tin không đến nơi do đó không hề biết các phương pháp dạy ngoại ngữ mới. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho chất lượng học sinh phổ thông còn thấp.

2. Về chương trình, sách giáo khoa

Hiện nay ở nước ta chưa có một qui hoạch tổng thể và chương trình tổng thể cho việc học môn ngoại ngữ từ các bậc ở phổ thông đến đại học. Chương trình của các khoa ngoại ngữ ở các trường CĐSP cũng mới hình thành, chưa được Bộ phê duyệt. Điều này dẫn đến thiếu sự phối hợp và liên thông trong quá trình đào tạo, thiếu sự quản lý một cách chặt chẽ theo qui chuẩn quốc gia đối với các cơ sở đào tạo chính qui và không chính qui.

Chúng ta đã có nhiều bộ sách giáo khoa cho tiếng Nga, tiếng Pháp và tiếng Anh ở phổ thông. Nhờ có sự hợp tác quốc tế, các bộ sách tiếng Nga và tiếng Pháp có hình thức rất đẹp và nội dung khá tốt. Bộ môn tiếng Anh tuy "sinh sau đẻ muộn" song với sự nỗ lực và tâm huyết với nghề nghiệp các thầy cô giáo ở trường DHSP Ngoại ngữ Hà Nội và một số nhà giáo khác đã cho ra đời một số bộ sách giáo khoa cho PTCS và PTTH kịp thời phục vụ yêu cầu của ngành Giáo dục. Qua quá trình thực hiện các bộ sách trên đã hoàn thành được vai trò lịch sử của mình, tuy nhiên không tránh khỏi những nhược điểm khi đứng trước những yêu cầu mới.

Hiện tại ở PTCS có bộ sách tiếng Anh 6,7,8,9, trong khi đó ở PTTH đang tồn tại ba loại sách giáo khoa tiếng Anh. Loại thứ nhất dùng cho hệ 3 năm ở các trường không phân ban đồng thời cũng được dùng cho ban KHTN ở các trường chuyên ban. Loại thứ 2 dùng cho ban KHXH ở các trường chuyên ban hệ 3 năm. Loại thứ 3 dùng cho hệ 7 năm, tức là liên thông từ lớp 6 cho đến lớp 12. Nhận xét về bộ sách 6-9, hai tác giả của "Báo cáo về nghiên cứu điều tra cơ bản" viết: "Đó là các bài khoá cổ của Anh (có lẽ được viết từ những năm 40) được thay đổi bằng một số sách của Liên Xô cũ và của Việt Nam. Tiếng Anh trong sách là tiếng Anh cổ không thích hợp, các chủ đề thì không phù hợp với học sinh PTCS ở Việt Nam, và một chương trình dạy ngữ pháp, đặc biệt là ở lớp 8 và lớp 9, thì không rõ ràng và không chú trọng đến tần số cao cũng như cái mà người học sinh thực sự cần học. Chương trình được hình thành nên bởi ngữ pháp và từ vựng, còn 4 kỹ năng thì không được dạy. Sách giáo khoa đã có từ trước khi có lý luận giáo học pháp thực hành giao tiếp

nên nó chủ yếu dựa vào hành vi luận: các hoạt động của học sinh được hạn chế vào việc nhắc lại bài hội thoại và luyện tập các mẫu cấu trúc ngữ pháp ở cấp độ thấp. Không có các hoạt động luyện tập tính lưu loát và các hoạt động ít có hướng dẫn hơn. Sách có nhiều lỗi ngữ pháp." Sách giáo khoa ở PTTH tuy có những ưu điểm hơn song không tránh khỏi tình trạng tương tự như thế. Nhược điểm nổi bật nhất của các sách giáo khoa tiếng Anh hiện nay là không thể hiện rõ việc giảng dạy 4 kỹ năng và các bài luyện tập không thích hợp với phương pháp giao tiếp.

3. Về cơ sở vật chất, phương tiện hỗ trợ cho dạy và học.

Do khó khăn chung về kinh tế của đất nước, có thể nói các phương tiện hỗ trợ cho dạy và học ngoại ngữ hiện nay ở phổ thông hết sức tối tân. Chỉ có một số trường chuyên, trường điểm hoặc các trường ở các thành phố lớn mới có các phương tiện hiện đại như phòng học tiếng, video, radio cassette ... còn hầu hết các trường đều không có phương tiện gì. Các loại giáo cụ trực quan khác cũng hầu như không có và các giáo viên đã quen với kiểu dạy "chay" như vậy từ lâu. Mặt khác, những nơi có một ít phương tiện thì lại sử dụng một cách không có hiệu quả. Trước hết họ không biết sử dụng tài liệu gì vì vốn các sách giáo khoa của ta không phải soạn ra theo cách sử dụng các phương tiện đó mà tài liệu tham khảo thì không có. Điều đáng buồn nhất là các giáo viên ở các vùng nông thôn ngoài sách giáo khoa không có tài liệu sách báo ngoại ngữ gì để đọc, đặc biệt các tài liệu, sách về lý luận giáo học pháp hoặc có liên qua đến ngoại ngữ nhằm nâng cao nghề nghiệp lại càng hiếm. Đây chính là một trong những cản trở lớn trong việc đưa phương pháp mới vào phổ thông.

4. Thực trạng dạy và học

Các giáo viên ở phổ thông hiện nay chủ yếu đang giảng dạy theo phương pháp truyền thống, chú trọng nhiều đến bài giảng hoàn toàn lấy giáo viên làm trung tâm và học thuộc lòng. Theo dữ liệu thu thập được của hai chuyên gia người Anh nói trên cho thấy các giáo viên sử dụng phương pháp truyền thống (phương pháp Ngữ pháp-Phiên dịch) là chủ yếu, không mấy để ý đến giáo trình họ đang sử dụng là thuộc loại giao tiếp hay truyền thống. Các hoạt động chủ yếu là có nhiều hướng dẫn còn các hoạt động trong bước sản sinh thì thiếu hụt. Trong giờ dạy các giáo viên giảng giải nhiều về ngữ pháp và dạy từ mới chứ không chú ý đến các hoạt động thực hành lưu loát và dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Đặc biệt kỹ năng nghe hầu như không được dạy ở phổ thông hoặc có thể suốt cả quá trình học, học sinh không hề được nghe một giọng nói thực của người bản ngữ. Việc quan tâm chỉ nghe giọng nói của thầy cô dạy mình đã hạn chế rất lớn khả năng giao tiếp của học sinh. Mặt khác bước giới thiệu bài có khi chiếm tới 60% thời gian trong khi đáng lẽ nó chỉ nên chiếm khoảng 30% còn lại 70% cần phải dành cho luyện tập, trong đó có luyện tập tự do. Nhưng thực tế theo phân phối chương trình hiện nay, học sinh thiếu thời gian để luyện tập.

Tỷ lệ sử dụng tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ trong giờ học cũng là một điểm cần phải bàn. Khi được đóng nghiệp dự giờ các giáo viên có thể sử dụng tiếng Anh lên tới 70-80%, trong thực tế trong giờ dạy bình thường tiếng Anh chỉ được sử dụng khoảng độ 50-60%. Đối với học sinh phần lớn đang còn học một cách thụ động.

Một số các hoạt động chủ yếu trong lớp của học sinh PTCS là :

Nghe giáo viên :	21,68%	Nghe bài khoá :	7,1%
Chép từ trên bảng :	11,58%	Đọc và viết câu trả lời :	8,42%
Trả lời câu hỏi của giáo viên :	13,68%	Nói có hướng dẫn :	14,1%
Đọc theo giáo viên :	12,42%	Viết có hướng dẫn :	2,52%
Đọc thành tiếng :	6,11%	Nói tự do :	1,05%
Đọc thầm :	1,26%	Viết tự do :	0%

(Theo số liệu điều tra của Psyche Kennett và Jill Knight)

Ngoài ra nhiều học sinh trước các kỳ thi, nhất là các kỳ thi học sinh giỏi, thi tuyển sinh vào các trường đại học và cao đẳng thường tự mình tìm kiếm các sách có các dạng bài thi tiếng Anh để làm hoặc tìm đến các lò luyện thi cũng chủ yếu làm bài tập mong trúng tủ khi thi. Học sinh cũng có thể làm tương tự một cách thường xuyên vì họ cho rằng làm như thế là có thể nâng cao được trình độ. Kết quả là kỹ năng nghe và nói của học sinh rất yếu. Nhiều em hiểu khá sâu về ngữ pháp và làm các bài thi khá tốt song khi tiếp xúc với người nước ngoài khả năng giao tiếp lại rất hạn chế, khó khăn lắm mới nói được một câu. Thường thì học sinh rất ngại tiếp xúc với người ngoại quốc do thiếu tự tin vào khả năng của mình và ít được tiếp xúc nên rụt rè e ngại.

Để cải thiện tình hình và nâng cao chất lượng dạy và học, gần đây ngành GD-ĐT đã tiến hành chỉ đạo các hoạt động cải tiến phương pháp giảng dạy ở các trường ĐH, CĐ và ở phổ thông chuẩn bị cho việc thay sách giáo khoa mới, trong đó có bộ môn ngoại ngữ. Phương pháp giao tiếp (communicative method) hay khuynh hướng lấy người học làm trung tâm (learner-centered approach) thực ra đã hình thành từ cách đây hơn 20 năm ở các nước phương tây song đáng tiếc đối với giáo viên phổ thông chúng ta hiện nay vẫn còn hết sức mới lạ và và có không ít trở ngại trong việc áp dụng các phương pháp này. Greg Bock (M.A., TESOL, Azusa Pacific University) một chuyên gia giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam nhiều năm đã tiến hành nghiên cứu những khó khăn trong việc thực hiện giảng dạy tiếng Anh theo phương pháp giao tiếp ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các giáo viên áp dụng phương pháp này đang gặp phải rất nhiều khó khăn. Các khó khăn này chia làm 3 loại chính :

* Những khó khăn từ phía học sinh gồm có 4 điểm:

- Học sinh không có động cơ học tập để có năng lực giao tiếp. Phần lớn học sinh hình như chỉ học làm sao để vượt qua được các kỳ thi, mà các bài thi của ta lại không đánh giá khả năng giao tiếp. Khi tuyển người vào các cơ quan chúng ta chỉ xem văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ loại gì chứ không cần biết năng lực thực và độ lưu loát của người xin việc. Thi như thế nào thì học như vậy, xã hội cần người như thế nào thì học như vậy thôi (!)

- Trong giờ học học sinh không chịu tham gia các hoạt động giao tiếp. Nguyên nhân chính là do lười, rụt rè e ngại và không quen với cách học mới. Các hoạt động theo nhóm, làm việc cặp đôi không thực hiện được do phần lớn học sinh còn sợ các bạn khác sẽ đánh giá, bình luận về khả năng của mình.

- Học sinh nói tiếng Việt trong các hoạt động theo nhóm.

- Khả năng tiếng Anh của học sinh còn yếu.

* Những khó khăn từ phía giáo viên gồm có 3 điểm:

- Các giáo viên thiếu tự tin và cảm thấy mình không đủ trình độ để dạy theo phương pháp mới.

- Giáo viên không được đào tạo để dạy theo phương pháp mới. Có nhiều người chưa từng nghe nói đến phương pháp giao tiếp.

- Có một số giáo viên cho rằng không thể chấp nhận phương pháp giao tiếp. Họ cho rằng việc thi cử vốn đã quá phức tạp đối với họ, nay thêm phương pháp mới càng thêm phức tạp.

* Những khó khăn do hệ thống giáo dục :

- Các phương tiện dạy và học còn thiếu thốn.

- Lớp học quá đông. Phần lớn các lớp học của chúng ta có số lượng ít nhất là 40 học sinh, cá biệt có lớp lên tới 105 em, bình quân là 65 em. Với số lượng lớn như vậy rất khó bao quát trong các hoạt động theo nhóm, theo cặp và không đủ thời gian để luyện tập cho từng cá nhân.

III. Một số đề xuất cho thời kỳ mới

Muốn nâng cao trình độ giáo viên ngoại ngữ, nâng cao chất lượng dạy và học ở phổ thông,

đáp ứng những yêu cầu mới trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước chúng tôi có một số ý kiến như sau:

1. Xây dựng chương trình, sách giáo khoa mới ở phổ thông

Đây là khâu quan trọng đầu tiên quyết định chất lượng dạy-học của bộ môn nên Bộ GD-ĐT cần có kế hoạch huy động trí tuệ và đầu tư thích đáng của nhà nước. Trường ĐHSP Ngoại ngữ Hà Nội trước đây, nay là ĐH Ngoại ngữ thuộc ĐHQG Hà Nội cần phải có đóng góp quan trọng trong lần biên soạn chương trình, sách giáo khoa ở PT lần này vì đã có nhiều kinh nghiệm và là nơi tập trung các chuyên gia ngoại ngữ giỏi. Chương trình phải được phân cấp rõ từ tiểu học, THCS, THPT nhưng lại đảm bảo tính liên thông giữa các cấp học. Việc xây dựng chương trình cần phải gắn với việc xây dựng chuẩn quốc gia về kiến thức để thuận tiện và thống nhất cho kiểm tra đánh giá, thi cử. Chỉ khi nào hoàn thành chương trình và chuẩn kiến thức mới tiến hành viết sách giáo khoa. Tại các nước phương tây chương trình mang tính pháp lệnh và dựa vào đó có thể có nhiều nhóm biên soạn nhiều bộ sách giáo khoa khác nhau, qua một thời gian thử nghiệm từng địa phương có thể chọn một hoặc kết hợp các bộ sách đó. Chúng tôi nghĩ ở nước ta nếu chưa có điều kiện làm như vậy nhất là đối với bộ môn ngoại ngữ, nên tập trung để soạn một bộ sách thống nhất nhưng cần phải hợp tác với các chuyên gia viết sách giáo khoa có kinh nghiệm trên thế giới và khu vực. Để khắc phục những nhược điểm của sách giáo khoa cũ chúng tôi cho rằng ngoài những chuẩn mực chung của một bộ sách giáo khoa, bộ môn ngoại ngữ cần lưu ý thêm một số điểm như sau:

- Sách ngoài việc giới thiệu các kiến thức về ngôn ngữ cần phải thể hiện rõ việc dạy và học 4 kỹ năng : nghe, nói, đọc, viết.
- Về nội dung phải mang tính cập nhật, thiết thực hơn, hấp dẫn hơn, giảm lý thuyết, tăng thực hành giao tiếp và phù hợp với học sinh Việt Nam.
- Cần đồng bộ 3 loại: sách cho học sinh học, sách hướng dẫn cho giáo viên và sách bài tập.
- Sách học sinh và bài tập cần phải đi kèm các loại băng hình, băng cassette, đĩa CD và nên khuyến khích soạn thành những phần mềm vi tính nhằm thay đổi cách dạy và học từ trước đến nay.

2. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho dạy và học.

- Xây dựng thêm phòng học để giảm số lượng học sinh trong một lớp. Bộ phải có qui định cụ thể về số lượng HS cho từng vùng. Theo chúng tôi tối thiểu là 40 và tối đa là 50 em trong một lớp.
- Các trường ở phổ thông phải có kế hoạch mua sắm dần một số trang thiết bị tối thiểu cho ngoại ngữ như radio cassette, băng ghi âm, sách báo tham khảo bằng tiếng nước ngoài, tiến tới dần những phương tiện nghe nhìn hiện đại như video, đèn chiếu, phòng học tiếng, máy vi tính v...v... Trước mắt nếu chưa có điều kiện, nhà trường cần khuyến khích tạo điều kiện để giáo viên tự tạo một số đồ dùng dạy học.

3. Cải tiến cách kiểm tra đánh giá và thi cử.

Thi, kiểm tra là để đánh giá kết quả học tập của học sinh nhưng đồng thời cũng có tác dụng định hướng cho cách dạy và học. Hình thức kiểm tra cần phải cải tiến làm sao để có thể không những đánh giá được kiến thức của học sinh về mặt ngôn ngữ mà còn đánh giá được khả năng học sinh về 4 kỹ năng. Hình thức nghe, nói nhất thiết cần phải được đưa vào các kỳ thi cuối học kỳ. Thi tuyển sinh vào các trường ĐH và CĐ có ý nghĩa lớn nhất đối với việc dạy và học ở phổ thông. Trước mắt có thể nên thêm phần nghe hiểu trong bài thi này. Về lâu dài chúng ta dần dần nên áp dụng thi theo kiểu những bài thi ngoại ngữ đang được thế giới xem là chuẩn mực như IELTS, TOEFL.

4. Về vấn đề đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

- Trong thập kỷ đầu của thế kỷ 21, các trường ĐHSP ngoại ngữ, các trường ĐH ngoại ngữ cần có những chỉnh lý sửa đổi về chương trình đào tạo của mình để phù hợp với chương trình sách giáo khoa mới ở phổ thông. Các trường CĐSP có khoa ngoại ngữ cần được hoàn thiện chương trình khung mới đưa ra và sớm có cơ quyết định phê duyệt chính thức của Bộ. Do trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên CĐSP còn thấp hơn nhiều so với các trường ĐH nên cần có qui định sử dụng các loại giáo trình nào hoặc cho biên soạn thống nhất, đặc biệt là các môn như giáo học pháp, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp v...v...

- Việc đào tạo giáo viên ngoại ngữ trong giai đoạn mới phải chú trọng đến năng lực sư phạm, khả năng áp dụng phương pháp mới, chuyển đổi cách dạy có tính chất "thông báo", "giảng giải", lấy giáo viên làm trung tâm sang hướng dạy cho học sinh cách học, phát huy tính chủ động tích cực của học sinh.

- Trong đào tạo cần tăng cường hơn việc tiếp xúc với thực tế ngôn ngữ mà giáo sinh đang học. Nhiều người cho rằng người ta có thể học qua nghe nhưng sẽ tốt hơn rất nhiều nếu được nhìn thấy, được sờ thấy và được thực hành điều đã học. Nếu có điều kiện thì mỗi giáo viên ngoại ngữ nên được đi ra nước ngoài để học tập, bồi dưỡng hoặc tham quan ít nhất là một lần giống như trước đây tiếng Nga đã từng làm.

- Đối với các giáo viên phổ thông hiện nay chúng tôi đề nghị Bộ cần phải có kế hoạch bồi dưỡng thêm về kiến thức và phương pháp mới theo những hình thức như : mở các lớp tập trung trong hè tại các trường ĐHSP và CĐSP ngoại ngữ hoặc ngay tại các tỉnh, mở các cuộc hội thảo trên phạm vi quốc gia và địa phương. Các lớp bồi dưỡng và các hội thảo cần tiến hành hàng năm vì bộ môn ngoại ngữ cần phải cập nhật kiến thức nhiều nhất.

- Phối hợp giữa các trường ĐH và CĐ để dần dần nâng cấp giáo viên CĐ lên trình độ đại học, tiến tới tất cả giáo viên ngoại ngữ từ TH đến PTTH đều có trình độ đại học.

5. Tăng cường đầu tư cho các trường ĐHSP và CĐSP có khoa ngoại ngữ.

- Đầu tư cơ sở vật chất chủ yếu là trang thiết bị nghe nhìn hiện đại, nối mạng internet, tư liệu tham khảo gồm sách, các loại băng tiếng, băng hình, đĩa CD và các phần mềm vi tính phục vụ dạy và học ngoại ngữ.

- Ưu tiên đào tạo sau đại học cho giáo viên CĐSP và ĐHSP.

- Tăng cường giao lưu, hợp tác giữa các trường ĐH và CĐ trong nước và nước ngoài để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. "Báo cáo về nghiên cứu điều tra cơ bản về chương trình dạy tiếng Anh THCS ở Việt Nam", Psyche Kennett và Jill Knight, Hà nội 5/1999.
2. "Suy nghĩ về phương hướng xây dựng chương trình CĐSP đào tạo giáo viên THCS cho thời kỳ CNH - HĐH đất nước", Hà nội 12/12/200, GS.TS Trần Bá Hoành.
3. "Difficulties in Implementing Communicative Theory in Vietnam", Greg Bock, MA. , Teacher's Edition, Issue 2 March 2000.
4. "The learner-Centred Curriculum", David Nunan, Cambridge University Press, 1988.
5. "Communicative syllabus Design", John Munby, Cambridge University Press, 1978.